

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VIỆT HOÀNG NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VIỆT HOÀNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703106703

3. Ngày thành lập: 13/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 243/39/30 Huỳnh Văn Lũy, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0988729827

Fax:

Email: viethoangnamsxtm@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
10.	Trồng lúa	0111
11.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
12.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
13.	Trồng cây mía	0114
14.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
15.	Trồng cây lấy sợi	0116
16.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
17.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
18.	Trồng cây hàng năm khác	0119
19.	Trồng cây ăn quả	0121
20.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
21.	Trồng cây điều	0123
22.	Trồng cây hồ tiêu	0124

23.	Trồng cây cao su	0125
24.	Trồng cây cà phê	0126
25.	Trồng cây chè	0127
26.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27.	Trồng cây lâu năm khác	0129
28.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
29.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
30.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
33.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
35.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0210
36.	Khai thác gỗ	0220
37.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (không chứa gỗ tròn tại trụ sở)	0231
38.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (không chứa gỗ tròn tại trụ sở)	0232
39.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
40.	Khai thác thủy sản biển	0311
41.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
42.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
43.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
44.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
54.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062

55.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
56.	Sản xuất đường	1072
57.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
58.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
59.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
60.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
61.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
62.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
63.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	1610
64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	1621
65.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	1623
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	1629
67.	Sản xuất than cốc (không hoạt động tại trụ sở)	1910
68.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
69.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
70.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
71.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
72.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
73.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
75.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
78.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
79.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
80.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

